ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 264/QĐ-ĐHYD	*Thái Nguyên, ngày 15 tháng 2 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nội khoa cập nhật năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nội khoa cập nhật năm 2022 *(kèm theo).*

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
BÁC SĨ NỘI TRÚ CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 264 /QĐ-ĐHYD ngày 15 tháng 2 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
3. Tên chương trình đào tạo
   - Tên tiếng Việt: *Bác sĩ Nội trú chuyên ngành Nội khoa*
   - Tên tiếng Anh: *Internal Medicine Residency*
4. Thông tin về kiểm định: *Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam*
5. Trình độ đào tạo: *Bác sĩ nội trú*
6. Ngành đào tạo: *Nội khoa*
7. Mã ngành đào tạo: *62 72 20 50*
8. Thời gian đào tạo: *3 năm*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng việt*
10. Hình thức đào tạo: *Tập trung*
11. Danh hiệu văn bằng
    - Tên tiếng Việt: *Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nội khoa*
    - Tên tiếng Anh: *Internal Medicine Residency*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	**Mô tả mục tiêu** *Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt được các mục tiêu sau:*	**Phù hợp**		
		Sứ mạng	***Tầm nhìn***	***Luật Giáo dục Đại học***
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp	x	x	x

II. Kỹ năng				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng hỏi bệnh, thăm khám, chỉ định xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, dự phòng, chuyển tuyến và tư vấn đảm bảo an toàn, hiệu quả, có tính chuyên nghiệp cho người bệnh mắc bệnh nội khoa thông thường và một số bệnh nội khoa phối hợp	x	x	x
PEO 3	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x
PEO 4	Sử dụng hiệu quả kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và nghiên cứu khoa học trong thực hành và phát triển nghề nghiệp.	x	x	x
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động trong học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	**Mô tả chuẩn đầu ra** *Ngay khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:*	**Phân loại**	
		Chuẩn đầu ra chung	***Chuẩn đầu ra chuyên biệt***
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học, phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x	

PLO 2	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để giải thích đúng cơ chế bệnh sinh; khám, chẩn đoán, điều trị, làm thủ thuật, tiên lượng, tư vấn các bệnh nội khoa thường gặp và một số bệnh nội khoa phối hợp một cách đúng đắn, hợp lý, kịp thời, an toàn, đạt hiệu quả.		x
II. Kỹ năng			
PLO 3	Thực hiện thành thạo kỹ năng giao tiếp, khám và làm thủ thuật đảm bảo đúng quy trình, an toàn và hiệu quả cho bệnh nhân mắc bệnh nội khoa thường gặp và một số bệnh nội khoa phối hợp		x
PLO 4	Chỉ định và phân tích thành thạo một số xét nghiệm, thăm dò cận lâm sàng phù hợp với các biểu hiện lâm sàng của bệnh nhân mắc bệnh nội khoa thường gặp và một số bệnh nội khoa phối hợp		x
PLO 5	Chẩn đoán chặt chẽ, đầy đủ tính cá thể cho các bệnh nhân nội khoa nội khoa thường gặp, một số bệnh nội khoa phối hợp và phát hiện kịp thời các cấp cứu nội khoa.		x
PLO 6	Ra quyết định đúng phương pháp điều trị, xử trí cấp cứu ban đầu; kê đơn đảm bảo đúng phác đồ, liều lượng, kịp thời, an toàn và hiệu quả cho bệnh nhân mắc bệnh nội khoa và cấp cứu nội khoa thường gặp.		x
PLO 7	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp thuộc chuyên ngành nội khoa	x	
PLO 8	Thực hiện độc lập được các chuyên đề và đề tài nghiên cứu khoa học; sử dụng được một số phần mềm thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành nội khoa	x	

III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 9	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	x	
PLO 10	Chủ động học tập và đưa ra những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong chuyên ngành nội khoa	x	
PLO 11	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	x	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PEO 1	x	x									
PEO 2			x	x	x	x					
PEO 3							x				
PEO 4								x			
PEO 5									x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh

- Có bằng tốt nghiệp đại học đạt loại khá, giỏi trở lên thuộc ngành học tương ứng chuyên ngành xin dự thi

- Có đủ sức khỏe học tập và công tác, tuổi < 27

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Các đối tượng ngoài biên chế Nhà nước nếu có nhu cầu học tập phải đóng kinh phí đào tạo theo đúng quy định của Nhà nước.

- Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước, thi trong vòng 6 tháng.

- Người nước ngoài muốn học BSNT tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện qui định ở điều này và được Bộ ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu

Điều kiện trúng tuyển:

Các môn thi ≥ 7 điểm (thang điểm 10). Số thí sinh trúng tuyển lấy theo điểm từ cao xuống thấp đến bằng chỉ tiêu do Bộ Y tế qui định từng năm, Trường báo cáo kết quả thi, dự kiến điểm chuẩn đề nghị Bộ Y tế duyệt, Hiệu trưởng quyết định công nhận trúng tuyển báo cáo Bộ Y tế, Thí sinh trúng tuyển năm nào học năm đó.

2. Điều kiện tốt nghiệp

- Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn hỗ trợ theo Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.

- Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.

- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curiculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	*Thực hành*	*Tự học*				
I	**Khối kiến thức cơ bản:** ***12 tín chỉ (11,0%)***									
1.1	***Học phần/module bắt buộc:***									
1	HCTH2013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1
2	HCPP2013	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	3 (2/1)	30	30	90				1
3	HCTO2013	Tin học ứng dụng	3 (1/2)	15	60	75				1

4	HCPH2013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90				1
II	**Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ:** ***16 tín chỉ (14,5%)***									
2.1	***Học phần/module bắt buộc:***									
5	NKDL2214	Dược lâm sàng	4 (2/2)	30	60	110				1
6	NKTN2214	Truyền nhiễm	4 (2/2)	30	60	110				1
7	NKCĐ2214	Chẩn đoán hình ảnh	4 (2/2)	30	60	110				1
8	NKHS2214	Hồi sức cấp cứu	4 (2/2)	30	60	110				2
III	**Khối kiến thức chuyên ngành:** ***71 tín chỉ (64,5%)***									
3.1	***Học phần/module bắt buộc:*** *50 tín chỉ*									
9	NKTM24110	Tim mạch	10(4/6)	60	180	240				2
10	NKCX24110	Cơ xương khớp	10(4/6)	60	180	240				2
11	NKTH24110	Tiêu hóa	10(4/6)	60	180	240				3
12	NKTI24110	Tiết niệu	10(4/6)	60	180	240				3
13	NKHH24110	Hô hấp	10(4/6)	60	180	240				4
3.2	***Học phần/module tự chọn : 21 tín chỉ (chọn 3/5 môn tự chọn)***									
14	NKHO2517	Huyết học	7(3/4)	45	120	185				3 hoặc 4
15	NKNT2517	Nội tiết	7(3/4)	45	120	185				3 hoặc 4
16	NTTK2517	Thần kinh	7 (3/4)	45	120	185				3 hoặc 4
17	NKTT2517	Tâm thần	7(3/4)	45	120	185				3 hoặc 4
18	NKUB2517	Ung bướu	7 (3/4)	45	120	185				3 hoặc 4

IV	**Tốt nghiệp:** ***3 tín chỉ (2,7%)***									
19	NKTN2613	Tốt nghiệp	3 (1/2)	15	30	75				6
V	**Luận văn:** ***8 tín chỉ (7,3 %)***									
20	NKLV2818	Luận văn	8 (0/8)		240	160				3,4,5,6
Tổng số			**110**							

**** Ghi chú:*** *Các mã HP học trước, mã HP tiên quyết được thể hiện ở sơ đồ tiến trình dạy học mục VII.*

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)

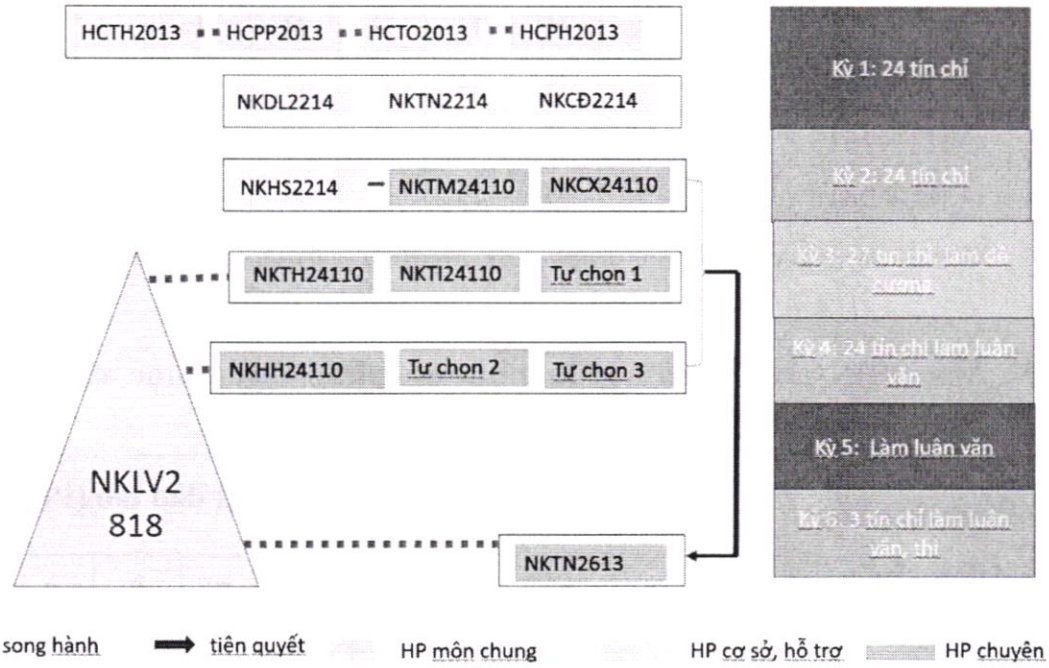

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
1	HCTH2013	H									M	M
2	HCPP2013	H										
3	HCTO2013	H								H		
4	HCPH2013	H								H	M	M
5	NKDL2214		H				H					
6	NKTN2214		H			H						
7	NKCĐ2214		H		M	M						
8	NKHS2214		H	H	H	H	H	H		M	H	H

TT	Mã học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	NKTM24110		H	H	H	H	H	H		M	H	H
10	NKCX24110		H	H	H	H	H	H		M	H	H
11	NKTH24110		H	H	H	H	H	H		M	H	H
12	NKTI24110		H	H	H	H	H	H		M	H	H
13	NKHH24110		H	H	H	H	H	H		M	H	H
14	NKHO2517		H	H	H	H	H	H		M	H	H
15	NKNT2517		H	H	H	H	H	H		M	H	H
16	NTTK2517		H	H	H	H	H	H		M	H	H
17	NKTT2517		H	H	H	H	H	H		M	H	H
18	NKUB2517		H	H	H	H	H	H		M	H	H
19	NKTN2613		M	H	H	H	H	H		M	H	H
20	NKLV2818			H	H	H	H	H	M	H	H	H

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Thuyết trình	x	x									
Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
Dạy – học bên giường bệnh			x				x		x	x	x
Dạy – học ngoài giường bệnh				x	x	x	x	x	x	x	x

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	Thực hiện thời gian biểu, thực hiện chỉ tiêu, bài tập, tính tích cực trong hoạt động nhóm, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quá trình học	10%
KTTX	Khả năng tổng hợp, phân tích, giải thích các vấn đề trong nội dung từng học phần Khả năng thực hành chẩn đoán, điều trị, tư vấn, làm thủ thuật thuộc các kỹ năng của học phần chuyên ngành cùng với tính chủ động, chịu trách nhiệm trong học tập	10%
Thi GHP	Khả năng tổng hợp, phân tích, giải thích các vấn đề trong nội dung từng học phần Khả năng thực hành chẩn đoán, điều trị, tư vấn, làm thủ thuật cùng với tính chịu trách nhiệm trong thực hành thuộc các kỹ năng của học phần chuyên ngành	30%
Thi KTHP	Khả năng vận dụng các học phần phương pháp luận nghiên cứu khoa học, tin học ứng dụng và học phần chuyên ngành để tổng hợp, phân tích, giải thích, đề xuất 1 chủ đề trong nội dung từng học phần dưới hình thức chấm báo cáo chuyên đề. Khả năng vận dụng các học phần sơ sở và hỗ trợ ngành cùng học phần chuyên ngành trong việc thực hành chẩn đoán, điều trị, tư vấn bệnh nhân có bệnh lý nội khoa phức tạp, hiếm gặp thuộc các kỹ năng trong học phần chuyên ngành	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Đánh giá	**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Trắc nghiệm	x	x									
Tự luận	x	x									
Vấn đáp chấm tiểu luận chuyên đề, luận văn	x	x						x	x	x	x
Vấn đáp trên bệnh nhân, bệnh án			x	x	x	x	x		x	x	x
Chấm chỉ tiêu thực hành			x	x	x	x	x		x	x	x

XI. Đối sánh (Benchmaking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	**Trường ĐHYD Huế (2015)**		**Trường ĐHYD Hải Phòng (2015)**		**Trường ĐHYD TPHCM (2019)**		**Trường ĐHYD, ĐHTN (2021)**	
	Đơn vị học trình	**Tỉ lệ (%)**	**Đơn vị học trình**	**Tỉ lệ (%)**	**Đơn vị học trình**	**Tỉ lệ (%)**	**Tín chỉ**	**Tỉ lệ (%)**
Kiến thức cơ bản	25/150	16,67	15	14,00	22	14,67	12	10,9
Kiến thức cơ sở ngành	21/150	14,00	34	14,67	23	15,33	16	14,5
Kiến thức chuyên ngành	49/150	32,67	71	54,00	77	51,33	50	45,5
Tự chọn	30/150	20,00	9	4,00	0	0	21	19,1
Tốt nghiệp	25/150	16,67	29	13,33	28	18,67	11	10,0
Tổng	**150**	**100**	**150**	**100**	**150**	**100**	**110**	**100**

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

1. Học phần Triết học

Học phần Triết học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy- học ở học kì I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức sâu rộng của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như các phương pháp luận cơ bản của Triết học. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình kết hợp thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm chấm bài tập nhóm, tiểu luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra (CĐR) số 1 ở mức độ cao, CĐR số 9, 10, 11 ở mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

2. Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng

Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức cần thiết để có thể vận dụng vào việc viết và thực hiện mục tiêu, kế hoạch, nội dung bài giảng, công cụ lượng giá và lượng giá người học. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình kết hợp thảo luận. Các phương pháp lượng giá người học là phương pháp trắc nghiệm và chấm bài tập nhóm. Học phần này đóng góp vào CĐR số 1 và 11 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

3. Học phần tin học ứng dụng

Học phần tin học ứng dụng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin để học tập, nghiên cứu khoa học và báo cáo thuyết trình. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá người học bao gồm chấm bài tập nhóm, chấm tiểu luận, luận văn. Học phần này đóng góp vào CĐR số 1,9 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

4. Học phần Phương pháp luận Nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp luận Nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học năng lực cần thiết để thực hiện việc nghiên cứu khoa học. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp lượng giá người học bao gồm chấm bài tập nhóm, chấm tiểu luận, luận văn. Học phần này đóng góp vào CĐR số 1,8 ở mức độ cao, CĐR số 9, 10, 11 ở mức độ trung bình của chương trình đào tạo.

5. Học phần Dược lâm sàng

Học phần Dược lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này giúp người học củng cố, nâng cao kiến thức về dược lâm sàng, vấn đề sử dụng thuốc và an toàn khi sử dụng thuốc trong thực hành lâm sàng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm và giảng dạy bên giường bệnh, các bệnh án, đơn thuốc của người bệnh, Phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần Dược lâm sàng đóng góp vào CĐR số 2,6 ở mức độ cao của chương trình đào tạo

6. Học phần Truyền nhiễm

Học phần Truyền nhiễm thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao năng lực cho người học trong việc chẩn đoán các bệnh lý lây và truyền nhiễm. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần truyền nhiễm đóng góp vào tất cả các CĐR số 2,5 ở mức độ cao của chương trình đào tạo.

7. Học phần Chẩn đoán hình ảnh

Học phần Chẩn đoán hình ảnh thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao năng lực cho người học trong việc vai trò của chẩn đoán hình ảnh và ứng dụng của chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán và điều trị các bệnh lý nội khoa. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần chẩn đoán hình ảnh đóng góp vào CĐR số 2 ở mức độ cao, số 4,5 ở mức độ trung bình của CTĐT.

8. Học phần Hồi sức Cấp cứu

Học phần Hồi sức Cấp cứu thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này giúp người học nâng cao nâng cao năng lực chẩn đoán, xử trí các cấp cứu nội khoa. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá người học bao gồm là phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần Hồi sức cấp cứu đóng

góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7,9,10 ở mức độ cao, số 8,11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo

9. Học phần Tim mạch

Học phần Tim mạch thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học song song. Học phần này sẽ giúp người học nâng cao năng lực thực hành bệnh lý tim mạch thường gặp, đồng thời bổ xung năng lực thực hành bệnh lý tim mạch phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần tim mạch đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7,9,10 ở mức độ cao, số 8,11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo

10. Học phần Cơ xương khớp

Học phần Cơ xương khớp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học song song. Học phần này sẽ giúp người học nâng cao năng lực thực hành bệnh lý cơ xương khớp thường gặp, đồng thời bổ xung năng lực thực hành bệnh lý cơ xương khớp phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần cơ xương khớp đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7,9,10 ở mức độ cao, số 8,11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo

11. Học phần Tiêu hóa

Học phần Tiêu hóa thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học song song. Học phần này sẽ giúp người học nâng cao năng lực thực hành bệnh lý tiêu hóa thường gặp, đồng thời bổ xung năng lực thực hành bệnh lý tiêu hóa phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp phương pháp trắc chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần tiêu hóa đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7,9,10 ở mức độ cao, số 8,11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

12. Học phần Tiết niệu

Học phần Tiết niệu thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học song song. Học phần này sẽ giúp người học nâng cao năng lực thực hành bệnh lý tiết niệu thường gặp, đồng thời bổ xung năng lực thực hành bệnh lý tiết niệu phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần tiết niêu đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7,9,10 ở mức độ cao, số 8,11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo

13. Học phần Hô hấp

Học phần Hô hấp thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học song song. Học phần này sẽ giúp người học nâng cao năng lực thực hành bệnh lý hô hấp thường gặp, đồng thời bổ xung năng lực thực hành bệnh lý hô hấp phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần hô hấp đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7,9,10 ở mức độ cao, số 8,11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo

14. Học phần Huyết học

Học phần Huyết học thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 3 hoặc 4 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học song song. Học phần này sẽ giúp người học nâng cao năng lực thực hành bệnh lý huyết học thường gặp, đồng thời bổ xung năng lực thực hành bệnh lý huyết học phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần huyết học cấp cứu đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7,9,10 ở mức độ cao, số 8,11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo

15. Học phần Nội tiết

Học phần Nội tiết thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 3 hoặc 4 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học song song. Học phần này sẽ giúp người học nâng cao năng lực thực hành bệnh lý nội tiết thường gặp, đồng thời bổ xung năng lực thực hành bệnh lý nội tiết phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần nội tiết đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7,9,10 ở mức độ cao, số 8,11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo

16. Học phần Thần kinh

Học phần Thần kinh thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 3 hoặc 4 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học song song. Học phần này sẽ giúp người học nâng cao năng lực thực hành bệnh lý thần kinh thường gặp, đồng thời bổ xung năng lực thực hành bệnh lý thần kinh phức tạp và hiếm gặp. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp phương pháp chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp CĐR số 2,3,4,5,6,7,9,10 ở mức độ cao, số 8,11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo

17. Học phần Tâm thần

Học phần Tâm thần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 3 hoặc 4 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học song song. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao năng lực cho người học trong việc chẩn đoán các rối loạn tâm thần xuất hiện trong bệnh lý nội khoa. Phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7,9,10 ở mức độ cao, số 8,11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

18. Học phần Ung thư

Học phần Ung thư thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được dạy - học ở kỳ học 3 hoặc 4 của CTĐT. Học phần này gồm lý thuyết và thực hành được học

song song. Học phần này giúp người học củng cố, nâng cao năng lực chẩn đoán một số bệnh ung thư thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm và giảng dạy bên giường bệnh. Phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào CĐR số 2,3,4,5,6,7,9,10 ở mức độ cao, số 8,11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

19. Học phần Tốt nghiệp

Học phần Tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT với điều kiện tiên quyết là học viên đã hoàn thành tất cả các học phần chuyên ngành. Học phần này sẽ giúp người học tổng hợp vấn đề cập nhật kiến thức và kỹ năng thực hành các bệnh lý nội khoa thường gặp, bệnh nội khoa hiếm gặp và phức tạp, phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy bên giường bệnh. Các phương pháp lượng giá người học bao gồm phương pháp phương pháp chấm tiểu luận, chuyên đề và vấn đáp theo bảng kiểm. Học phần lý thuyết đóng góp vào CĐR số 3,4,5,6,7,9,10 ở mức độ cao, số 2, 8,11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo

20. Học phần Luận văn bác sĩ nội trú

Học phần Luận văn bác sĩ nội trú là học phần bắt buộc, có tính đặc thù, được thực hiện qua các bước: xây dựng đề cương, thu thập số liệu, tài liệu tham khảo, xử lý số liệu, viết luận văn, báo cáo bảo vệ luận văn. Để thực hiện được học phần này, học viên cần có giảng viên hướng dẫn. Thời gian thực hiện liên tục từ học kỳ 3 và bảo vệ luận văn vào kỳ 6 của CTĐT. Học viên cần hoàn thành đạt yêu cầu toàn bộ các học phần trước khi bảo vệ luận văn và đủ điều kiện theo yêu cầu của hồ sơ trước bảo vệ. Học phần này đáp ứng CĐR số 3,4,5,6,7,8,9,10 ở mức độ cao, số 7,11 ở mức trung bình của chương trình đào tạo.

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên gồm có hơn 50 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó bộ môn Nội có hơn 20 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó có 6 PGS - TS, 3 Tiến sĩ - GVC, 7 Thạc sĩ và các Bác sĩ có trình độ CKII, Ths, CKI, Tiến sĩ công tác tại các bệnh viện thực hành là giảng viên kiêm nhiệm. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thí nghiệm, bệnh viện thực hành như Bệnh viện Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho học viên BS nội trú. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn). Các bệnh viện thực hành của Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên khá đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực…đáp ứng được yêu cầu đào tạo Bác sĩ nội trú.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu:

XV. Tiến trình cập nhật

TT	**Tóm tắt nội dung cập nhật**	**Ngày cập nhật**	**Tổ trưởng tổ rà soát** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Trưởng khoa/ Bộ môn** *(Ký, ghi rõ họ tên)*
1	Viết lại Bản mô tả chương trình đào tạo theo mẫu ban hành kèm theo QĐ số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021	5/2021	Lưu Thị Bình	Dương Hồng Thái
2	Sửa lại Bản mô tả CTĐT (mục tiêu, CĐR) theo CV số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021	11/2021	Lưu Thị Bình	Dương Hồng Thái

XVI. Thành phần phê duyệt

Ban Giám hiệu	**Hội đồng Khoa/Bộ môn**	**Tổ trưởng xây dựng/ rà soát**
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN		
HIỆU TRƯỞNG PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	PGS. TS. Dương Hồng Thái	PGS. TS. Lưu Thị Bình

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
BÁC SĨ NỘI TRÚ CHUYÊN NGÀNH NỘI KHOA

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022